TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 51/2022/DS-GĐT
Ngày 09/9/2022
V/v *"Tranh chấp thừa kế tài sản và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tào

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường và ông Đặng Kim Nhân

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thoa – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng*** tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự *"Tranh chấp thừa kế tài sản và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"*; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu Nh, ông Nguyễn Hữu Th, ông Nguyễn Hữu V; cùng địa chỉ: Thôn X, xã H, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nh và ông Th: Bà Trần Thị Cẩm V (theo văn bản uỷ quyền ngày 18/12/2018); địa chỉ: số N, thôn K, xã H, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích S; địa chỉ: N, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Kim T.
2. Bà Nguyễn Thị Bích S1.

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã H, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk.

3. Ông Nguyễn Hữu H (đã chết 12/3/2020)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông H: Bà Tạ Thị D (là vợ ông H), chị Nguyễn Thị Mỹ L, chị Nguyễn Thị Mỹ Ng, anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thị Mỹ Ph, chị Nguyễn Thị Mỹ L (là con ông H).

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Nh, ông Nguyễn Hữu Th và ông Nguyễn Hữu V trình bày: Các ông là con đẻ của cụ ông Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1928 (chết ngày 24/12/2003) và cụ bà Lê Thị C, sinh năm 1930 (chết ngày 23/5/2005); cụ H1 và cụ C, có 07 người con là 03 ông và ông Nguyên Hữu H, bà Nguyễn Thị Kim T, ông Nguyễn Hữu Nh, bà Nguyễn Thị Bích S1 và bà Nguyễn Thị Bích S.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đối với thửa đất số 163a và thửa đất số 348, tờ bản đồ số 23, tại thôn X, xã H, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk, là tài sản của cụ H1 và cụ C. Năm 2003, cụ H1 chết không để lại di chúc đối với tài sản nêu trên; Ngày 10/5/2005, được sự đồng ý của 06 người con (vắng mặt ông H), cụ C lập di chúc để lại di sản cho các con và phân chia di sản cụ H1 chết để lại cho các con, đối với hai thửa đất nêu trên, cụ thể:

Đối với thửa đất số 348, diện tích 2.438m^2, có cạnh dài 38m giáp đường quốc lộ 14, được phân chia cho bà S1, bà S, bà T, ông Th, ông Nh, mỗi người 06m giáp đường quốc lộ 14; diện tích còn lại có chiều ngang 08m giáp đường quốc lộ 14, chia cho ông Th và ông Th có nghĩa vụ lo tang lễ cho cụ C khi cụ C chết, thờ cúng vợ chồng cụ C và tổ tiên.

Đối với thửa đất số 163a, diện tích 700m^2, có cạnh dài 10m giáp đường quốc lộ 14, chia cho ông V 04m giáp đường quốc lộ 14; diện tích đất còn lại cùng với ngôi nhà trên đất được dùng vào việc thờ cúng tổ tiên.

Đối với thửa đất số 163b, tờ bản đồ số 23, diện tích 350m^2, tại thôn X, xã H, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk, được chia thừa kế cho ông Nguyễn Hữu H.

Sau khi cụ C chết, các ông và những người thừa kế tài sản của cụ C chết để lại, không có tranh chấp về nội dung bản di chúc. Tuy nhiên, bà S là người quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 348, không đưa giấy chứng nhận quyên sử dụng đất cho các ông để làm thủ tục tách thửa, chia quyền sử dụng đất theo nội dung di chúc. Vì vậy, ông Th và ông Nh khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết: Chia di sản về quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 348, cho những người thừa kế di sản, theo quy định của pháp luật; ông Th và ông Nh từ chối nhận di sản về quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 163a. Ông V khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết: Chia di sản cho ông về quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 163a với diện tích có chiều ngang giáp đường quốc lộ 14 là 05m; phần diện tích đất còn lại, có ngôi nhà trên đất, ông đề nghị làm nơi thờ cúng tổ tiên; ông V từ chối nhận di sản về quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 348.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Bích S trình bày: Bà là con đẻ cụ Nguyễn Hữu H1 và cụ Lê Thị C; về di sản là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 348 và thửa đất

số 163a, của cụ H1 và cụ C chết để lại và nội dung bản di chúc do mẹ của bà lập vào ngày 10/5/2005, đúng như nguyên đơn đã trình bày. Sau khi mẹ của bà chết, bà sử dụng diện tích đất được thừa kế, thuộc thửa đất số 348 theo hiện trạng có chiều ngang phía trước giáp đường quốc lộ 14 là 7,5m; chiều ngang phía sau giáp đường đi buôn Tua là 07m; ông Th cũng được thừa kế và đang sử dụng diện tích đất giống như bà. Tuy nhiên, hiện tại bà đang quản lý, sử dụng *1/2* diện tích đất phía sau của ông Th, vì ông Th đã chuyển nhượng cho bà vào năm 2017, với giá 100.000.000đ. Vì vậy, bà phản tố yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc ông Th phải chuyển giao cho bà 1/2 diện tích đất mà ông Th nhận thừa kế, giáp đường đi buôn Tua; bà từ chối nhận di sản về quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 163a.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Kim T trình bày: Bà là con đẻ cụ Nguyễn Hữu H1 và cụ Lê Thị C; việc ông Nh, ông Th, ông V khởi kiện yêu cầu Toà án chia di sản thừa kế, về quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 348 và 163a, Bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật; nguyện vọng của Bà là được chia một phần diện tích thuộc thửa số 348, có chiều ngang giáp đường quốc lộ 14 là 08m, chiều ngang phía sau giáp đường đi buôn Tua là 07m, Bà từ chối nhận di sản là quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 163a.

Bà Nguyễn Thị Bích S1 trình bày: Bà là con đẻ cụ H1 và cụ C; sau khi bố, mẹ của bà chết, bà đã nhận di sản thừa kế là quyền sử dụng đất một phần diện tích thuộc thửa đất số 348 và xây dựng nhà ở trên đất; phần diện tích đất còn lại của thửa đất 348 và thửa đất số 163a, Bà từ chối nhận di sản.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Hữu H gồm bà Tạ Thị D (là vợ ông H), chị Nguyễn Thị Mỹ L, chị Nguyễn Thị Mỹ L, chị Nguyễn Thị Mỹ Ng, anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thị Mỹ Ph (là con ông H) trình bày: Sau khi cụ H1 và cụ C chết, ông H đã nhận thừa kế di sản là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 163b, tờ bản đồ số 23, diện tích 350m^2, tại thôn X, xã H, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, gia đình ông H từ chối nhận di sản về quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 348 và thửa đất số 163a.

Bản án dân sự sơ thẩm số 151/2021/DS-ST ngày 30/9/2021, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Đắk Lắk, quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Th và ông Nguyễn Hữu Nh về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 234, tờ bản đồ số 23, tại thôn X, xã H, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk; đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 010619 do UBND huyện C cấp cho hộ ông Nguyễn Hữu H1 vào ngày 06/3/2002; cụ thể:

[1.1] Chia cho ông Nguyễn Hữu Nh được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 756,2m^2 (trong đó, có 87,5m^2 đất ở và 93,1m^2 đất nằm trong

chỉ giới quy hoạch giao thông) thuộc thửa đất số 348; diện tích đất ông Nh được chia có tứ cận: hướng Đông giáp đất ông Mai có cạnh dài 91,4m; hướng Tây giáp diện tích đất chia cho ông Nguyễn Hữu Th, có cạnh dài 89,19m; hướng Nam giáp đường đi buôn Tua, có cạnh dài 7,86m; hướng Bắc giáp đường quốc lộ 14, có cạnh dài 8,3 6m.

[1.2] Chia cho ông Nguyễn Hữu Th được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 630m^2 (trong đó, có 87,5m^2 đất ở và 81,3m^2 đất nằm trong chỉ giới quy hoạch giao thông) thuộc thửa đất số 348; Diện tích đất ông Th được chia có tứ cận: hướng Đông giáp đất chia cho ông Nh có cạnh dài 89,19m; hướng Tây giáp diện tích đất chia cho bà Nguyễn Thị Kim T, có cạnh dài 87,24m; hướng Nam giáp đường đi buôn Tua, có cạnh dài 07m; hướng Bắc giáp đường quốc lộ 14, có cạnh dài 7,5m.

[1.3] Chia cho bà Nguyễn Thị Kim T được quyền quản lý, sử dụng, quyền sử dụng đất có diện tích 627,6m^2 (trong đó, có 87,5m^2 đất ở và 79m^2 đất nằm trong chỉ giới quy hoạch giao thông) thuộc thửa đất số 348; diện tích đất bà T được chia có tứ cận: hướng Đông giáp đất chia cho ông Th có cạnh dài 87,24m; hướng Tây giáp diện tích đất chia cho bà Nguyễn Thị Bích S, có cạnh dài 85,27m; hướng Nam giáp đường đi buôn Tua, có cạnh dài 07m; hướng Bắc giáp đường quốc lộ 14, có cạnh dài 7,5m.

[1.4] Chia cho bà Nguyễn Thị Bích S được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 625,4m^2 (trong đó, có 87,5m^2 đất ở và 76,8m^2 đất nằm trong chỉ giới quy hoạch giao thông) thuộc thửa đất số 348; Diện tích đất bà S được chia có tứ cận: hướng Đông giáp đất chia bà T có cạnh dài 85,27m; hướng Tây giáp diện tích đất bà Nguyễn Thị Bích S1 đang sử dụng, có cạnh dài 83,32m; hướng Nam giáp đường đi buôn Tua, có cạnh dài 07m; hướng Bắc giáp đường quốc lộ 14, có cạnh dài 7,5m.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu V về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 163a, tờ bản đồ số 23, tại thôn X, xã H, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk; đất được cấp giấy chứng nhân quyền sử dụng đất số U 194087 do UBND huyện C cấp cho hộ bà Lê Thị C vào ngày 01/7/2002; cụ thể:

[2.1] Chia cho ông Nguyễn Hữu V được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 354,2m^2 (trong đó, có 100m^2 đất ở và l,9m^2 đất nằm trong chỉ giới quy hoạch giao thông) thuộc thửa đất số 163a; Diện tích đất ông V được chia có tứ cận: hướng Đông giáp diện tích đất có nhà từ đường, cạnh dài 71,42m; hướng Tây giáp thửa đất số 163 b, có cạnh dài 70,78m; hướng Nam giáp đường quốc lộ 14, có cạnh dài 05m; hướng Bắc giáp đất ông Phú, có cạnh dài 5m.

[2.2] Giao cho ông Nguyễn Hữu Th, ông Nguyễn Hữu V, bà Nguyễn Thị Kim T, quản lý chung (nhà từ đường, không được chuyển nhượng, thế chấp...) đối với

quyền sử dụng đất có diện tích 354,6m^2 (trong đó, có 100m^2 đất ở và nằm trong chỉ giới quy hoạch giao thông) thuộc thửa đất số 163a; có tứ cận: hướng Đông giáp thửa đất số 163, có cạnh dài 69,95m; hướng Tây giáp diện tích đất được chia cho ông V có cạnh dài 71,42m; hướng Nam giáp đường quốc lộ 14, có cạnh dài 05m; hướng Bắc giáp đất ông Phú, có cạnh dài 05m.

[3] Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Bích S về việc buộc ông Nguyễn Hữu Th phải chuyển giao cho bà 1/2 diện tích đất 630m^2 thuộc thửa đất số 348, giáp đường đi buôn Tua mà ông H nhận di sản thừa kế.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 04/10/2021, bị đơn là bà Nguyễn Thị Bích S có đơn kháng cáo với lý do: Toà án cấp sơ thẩm xét xử không phù hợp với các tình tiết của vụ án, nhiều nội dung của vụ án còn mâu thuẫn chưa được làm rõ, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Bản án dân sự phúc thẩm số 45/2022/DS-PT ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là bà Nguyễn Thị Bích S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Sau xét xử phúc thẩm ông Nguyễn Hữu Nh, ông Nguyễn Hữu Th, bà Nguyễn Thị Bích S, bà Nguyễn Thị Bích S1, bà Nguyễn Thị Kim T có đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm.

Tại Quyết định Kháng nghị giám đốc thẩm số 62/QĐ-VKS-DS ngày 15/8/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 45/2022/DS-PT ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, huỷ Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm số 151/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Đắk Lắk; giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Cụ Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1928 (chết ngày 24/12/2003) và cụ Lê Thị C, sinh năm 1930 (chết ngày 23/5/2005); Cụ H1 và cụ C, có 07 người con là ông

Nguyễn Hữu Nh, ông Nguyễn Hữu Th, ông Nguyễn Hữu V, ông Nguyễn Hữu H (chết 12/3/2020), bà Nguyễn Thị Kim T, ông Nguyễn Hữu Nh, bà Nguyễn Thị Bích S1 và bà Nguyễn Thị Bích S.

Di sản cụ H1 và cụ C để lại gồm: Quyền sử dụng thửa đất số 348, diện tích 2.438m^2, thửa đất số 163a, diện tích 700m^2, thửa đất số 163b, tờ bản đồ số 23, diện tích 350m^2, thửa đất 20, diện tích 27.685m^2. Quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn yêu cầu chia theo di chúc thửa đất số 348 và thửa số 163a.

Nhận thấy:

[1]. Bản di chúc do cụ Lê Thị C lập ngày 10/5/2005, trong đó cụ C định đoạt cả phần di sản của cụ H1 để lại là không đúng. Tuy nhiên tại Bản cam kết trong gia đình lập ngày 07/9/2010 (BL 01), các đồng thừa kế đều thống nhất về phân chia tài sản trên cơ sở Bản di chúc do cụ C lập ngày 10/5/2005; nên di sản cụ H1, cụ C để lại được xác định là tài sản chung của các thừa kế.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Kim T yêu cầu được nhận 8m ngang đất theo di chúc của cụ C lập ngày 10/5/2005 và Bản cam kết trong gia đình lập ngày 07/9/2010. Tuy nhiên Bản án dân sự sơ thẩm số 151/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T lại căn cứ vào Biên bản làm việc ngày 20/11/2020 (BL 128), trong khi bà T không có mặt và cũng không có văn bản thống nhất nội dung Biên bản này, để chia cho bà T 7,5m ngang đất là trái với nội dung Di chúc và Bản cam kết trong gia đình lập ngày 07/9/2010, là xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Bích S1 đồng ý chỉ nhận 1,5m ngang đất tại thửa 348, nhưng án sơ thẩm, phúc thẩm khi chia thừa kế thửa 348, không thẩm định, đo đạt và giao cho bà S1 được quyền quản lý, sử dụng đối với phần đất 1,5m ngang này, nên bà S1 không làm được thủ tục xin cấp GCNQSD đất đối với phần diện tích đất này (Bà S1 có đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm và cung cấp nội dung trả lời của UBND xã Hòa Phú không làm được GCNQSD đất là do Bản án phúc thẩm không phân chia phần tài sản này cho bà S1) là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà S1

[3]. Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/4/2021 thể hiện trên thửa đất 163a có một căn nhà từ đường, diện tích 44,7m^2; 01 căn nhà cấp 4, 01 quán uốn tóc do ông V xây dựng. Trên thửa đất số 348 có 01 căn nhà xưởng, 01 nhà lán tôn do bà S, bà T đang sử dụng. Bản án sơ thẩm, phúc thẩm chỉ tuyên chia thừa kế về phần diện tích đất, nhưng không tuyên về phần tài sản trên đất, là ảnh hưởng đến quyền về tài sản trên đất của ông V, bà S và bà T.

[4]. Đối với ngôi nhà từ đường trên diện tích đất 354,6m^2 tại thửa 163a thuộc quyền quản lý, sử dụng chung của các đồng thừa kế, nhưng án sơ thẩm chỉ giao cho ông Th, ông V và bà T quản lý, sử dụng chung là không đầy đủ; bản án phúc thẩm

có bổ sung các đồng thừa kế quản lý, sử dụng chung nhưng cũng không đầy đủ; không có ông Nguyễn Hữu Nh, là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Nh.

[5]. Đối với yêu cầu phản tố của bà S cho rằng, hiện tại bà đang quản lý, sử dụng 1/2 diện tích đất phía sau của ông Th, vì ông Th đã chuyển nhượng cho bà vào năm 2017, với giá 100.000.000đ; nên Bà yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Th phải chuyển giao cho Bà 1/2 diện tích đất mà ông Th nhận thừa kế, giáp đường đi buôn Tua. Tại giai đoạn giám đốc thẩm, bà S có cung cấp bản gốc Giấy sang nhượng đất do ông Th viết, thể hiện ông Th đã sang nhượng cho bà S 1/2 diện tích đất ông Th được thừa kế (210m^2), phù hợp với nội dung văn bản từ chối nhận một phần đất thừa kế của ông Th để lại cho bà S. Đồng thời, ông Th trình bày: ông có nhận tiền của bà S và đã viết Giấy từ chối nhận thừa kế, để cho bà S nhận một phần đất Ông được thừa kế; do Ông không tham gia phiên tòa nên không có lời khai về nội dung này. Do vậy, quá trình giải quyết lại vụ án, cần xem xét nội dung này để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho bà S.

Ngoài ra, tại Đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, ông Nguyễn Hữu Nh có cung cấp thông tin, ngoài 07 người con đã nêu trên, cụ H1, cụ C còn có 01 người con Nguyễn Thị Tuyết Mai (đã chết khi còn nhỏ) và 01 người con Nguyễn Thụy Thành (Nguyễn Thị Thành) biệt tích từ trước 1975 và có nộp kèm theo 01 Giấy chứng nhận sống chung và cư trú ngày 02/11/1971 (bản sao). Do đó, quá trình giải quyết lại vụ án, Tòa án cần xác minh làm rõ thông tin này để không bỏ sót người thừa kế.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị giám đốc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 45/2022/DS-PT ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án dân sự sơ thẩm số 151/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Đắk Lắk; giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343; Điều 345 và Điều 349 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 45/2022/DS-PT ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án dân sự sơ thẩm số 151/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Đắk Lắk đối với vụ án *"Tranh chấp thừa kế tài sản và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"* giữa nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Nh, ông Nguyễn Hữu Th, ông Nguyễn Hữu V với bị đơn bà Nguyễn Thị Bích S và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Đắk Lắk để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:
- Viện trưởng VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Đắk Lắk (2 bản kèm hồ sơ để giải quyết sơ thẩm lại);
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP; Phòng Giám đốc kiểm tra về DS-KDTM-LĐ, hồ sơ vụ án.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN VĂN TÀO